

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 về Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty cổ phần cơ khí thương mại Đức Hùng tại văn bản 56/CVGT-ĐH ngày 08/9/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 151/TTr-SNNMT ngày 21 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần cơ khí thương mại Đức Hùng (địa chỉ: Số nhà 01, đường Trường Chinh, tổ Y La 2, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất bao bì nhựa Đức Hùng tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: “Nhà máy sản xuất bao bì nhựa Đức Hùng tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô F5, cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang).

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập:

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 592/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang; Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 289/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5000231207 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang) cấp lần đầu ngày 22/3/2005; đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 26/2/2025.

1.4. Mã số thuế: 5000231207.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bao bì jumbo bag, container bag, sản xuất, phân phối bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt và các sản phẩm nhựa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Dự án nhà máy sản xuất bao bì nhựa Đức Hùng được thực hiện trên tổng diện tích đất là 15.710,5 m², tại Lô F5, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Công suất dự án: 2.400.000 sản phẩm bao bì nhựa/năm.

- Nhóm dự án: Dự án có tổng mức đầu tư 60.000.000.000 đồng, là dự án nhóm C theo quy định tại khoản 3, điều 11, luật đầu tư công số 58/2024/QH15; là Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP) (được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Các hạng mục chính của Dự án, gồm: Nhà điều hành và giới thiệu sản phẩm diện tích 450 m²; nhà ăn ca và nhà công vụ 450 m², Nhà xưởng 1 diện tích 3.500 m²; nhà xưởng 2 diện tích 4.000 m²; nhà kho diện tích 1.000 m². Các công trình phụ trợ khác như: cổng ra vào, nhà bảo vệ (02 nhà), gara để xe, bể nước ngầm (03 bể), giếng khoan, trạm điện, bể xử lý nước thải, nhà vệ sinh (02 nhà), sân và đường nội bộ, cây xanh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần cơ khí thương mại Đức Hùng.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty cổ phần cơ khí thương mại Đức Hùng có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Sơn Dương tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở NN&MT (02 bản chính);
- UBND xã Sơn Dương;
- Như Điều 4;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh (bản chính);
- Công ty CPCKTM Đức Hùng
(nhận KQ tại Trung tâm PVHCC tỉnh);
- Lưu: VT, KTN. (Cường)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Tuấn

Phụ lục 1:**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 10 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải (04 nguồn phát sinh bụi, khí thải)**

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ công đoạn trộn trong quá trình sản xuất sản xuất bao bì jumbo bag, container bag và vỏ thùng nhựa;
- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ công đoạn nghiền nhựa thải, sợi nhựa thừa;
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn đùn ép sản xuất bao bì;
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ khu vực in.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải (02 dòng khí thải)

2.1. Dòng khí thải số 01: gồm khí thải phát sinh từ nguồn số 01, nguồn số 02 và nguồn số 03 được thu gom về thiết bị xử lý khí thải chung trước khi thải ra môi trường.

2.1.1. Vị trí xả khí thải: Tọa độ xả khí thải: X = 2394266,718; Y= 435752,486. Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106°, múi chiều 3°.

2.1.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 12.000 m³/giờ.

2.1.3. Phương thức xả khí thải: liên tục trong quá trình sản xuất.

2.1.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2024/BTNMT, cột C, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 100	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ, quan trắc tự động, liên tục theo khoản 2, khoản 3 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP	
2	SO ₂	mg/Nm ³	≤ 350		
3	CO	mg/Nm ³	≤ 450		
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤ 500		
5	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu từ: Benzen, Toluen)	mg/Nm ³	≤ 150		
6	Styren	mg/Nm ³	≤ 100		

2.2. Dòng khí thải số 02: ống thoát khí của thiết bị xử lý khí thải khu vực in

2.2.1. Vị trí xả khí thải: Tọa độ xả khí thải: X = 2394177,562; Y= 435759,066. Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106°00', múi chiều 3°.

2.1.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 12.000 m³/giờ.

2.1.3. Phương thức xả khí thải: liên tục trong quá trình sản xuất.

2.1.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2024/BTNMT, cột C, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 100	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ, quan trắc tự động, liên tục theo khoản 2, khoản 3 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP	
2	SO ₂	mg/Nm ³	≤ 350		
3	CO	mg/Nm ³	≤ 450		
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤ 500		
5	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu từ Ethyl acetate,)	mg/Nm ³	≤ 100		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về thiết bị xử lý khí thải

- Khí thải phát sinh từ nguồn số 01, nguồn số 02, nguồn số 03 được thu hồi bằng chụp hút vào ống hút chung (ống dẫn khí) D200 mm về tháp hấp thụ bằng than hoạt tính và thải ra môi trường qua đường ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ nguồn số 04 được thu hồi bằng chụp hút vào ống hút (ống dẫn khí) D200 mm về tháp hấp thụ bằng than hoạt tính và thải ra môi trường qua đường ống thoát khí.

1.2. Thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Thiết bị xử lý bụi, khí thải phát sinh từ nguồn số 01, nguồn số 02, nguồn số 03.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải phát sinh → Chụp hút → ống hút D200mm → tháp hấp thụ bằng than hoạt tính → quạt hút → ống thoát khí → môi trường không khí.

- Công suất thiết kế: 12.000 m³/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (chu kỳ thay thế 03 tháng/lần).

1.2.1. Thiết bị xử lý bụi, khí thải phát sinh từ nguồn số 04

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải phát sinh → Chụp hút → ống hút D200mm → tháp hấp thụ bằng than hoạt tính → quạt hút → ống thoát khí → môi trường không khí.

- Công suất thiết kế: 12.000 m³/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (chu kỳ thay thế 03 tháng/lần).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Bố trí 01 quạt hút dự phòng để thay thế khi quạt hút chính bị sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm thiết bị xử lý khí thải

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Thiết bị xử lý bụi, khí thải từ công đoạn trộn trong quá trình sản xuất sản xuất bao bì jumbo bag, container bag và vỏ thùng nhựa; công đoạn nghiền nhựa thải, sợi nhựa thừa; công đoạn đùn ép sản xuất bao bì công suất 12.000 m³/giờ.

- Thiết bị xử lý bụi, khí thải từ khu vực in công suất 12.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Ống thoát khí của thiết bị xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này

2.3. Tần suất lấy mẫu: Lấy 03 mẫu đơn với tần suất 1 lần/ngày trong 3 ngày liên tiếp trong giai đoạn thiết bị xử lý khí thải vận hành ổn định;

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2:**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPM-T-UBND ngày tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Máy trộn công đoạn sản xuất bao bì jumbo bag, container bag và vỏ thùng nhựa;
- Nguồn số 02: Máy đùn ép công đoạn sản xuất bao bì;
- Nguồn số 03: Máy nghiền nhựa thải, sợi nhựa thừa;
- Nguồn số 04: Máy dẹt trong công đoạn sản xuất bao bì jumbo bag, container bag và vỏ thùng nhựa;
- Nguồn số 05: Quạt hút của thiết bị xử lý bụi, khí thải công đoạn sản xuất sản phẩm bao bì jumbo bag, container bag và vỏ thùng nhựa, công đoạn nghiền nhựa thải, sợi nhựa thừa, công đoạn đùn ép sản xuất bao bì;
- Nguồn số 06: Quạt hút của thiết bị xử lý bụi, khí thải từ khu vực in;
- Nguồn số 07: Máy phát điện dự phòng.

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn: Phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	<i>Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ</i>	<i>Khu vực thông thường</i>

2.2. Độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	75	70	<i>Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ</i>	<i>Khu vực thông thường</i>

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị của cơ sở để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3:**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 10 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Hộp mực in thải	Rắn	3	08 02 04
2	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	Lỏng	20	16 01 06
3	Găng tay, giẻ lau dính dầu	Rắn	10	18 02 01
4	Dầu mỡ bảo dưỡng máy móc, thiết bị thải bỏ	Rắn	30	17 02 03
5	Than hoạt tính thải bỏ từ hệ thống xử lý khí thải		3.600	03 02 07
Tổng khối lượng			3.663	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên thành phần chất thải phát sinh	Đơn vị	Khối lượng (kg/năm)
1	Sợi nhựa thừa, vụn vải nhựa	kg	4.235
2	Sản phẩm lỗi	kg	1.815
3	Đầu chỉ thừa và lõi của cuộn chỉ	kg	38,4
4	Bao bì không dính thành phần nguy hại thải bỏ	kg	30
5	Các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường khác	kg	150
Tổng khối lượng			6.268,40

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 56 kg/ngày (1.680 kg/tháng). Thành phần chính là các loại chất hữu cơ dễ bị phân hủy, giấy vụn, bao bì....

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại

- Bố trí khoảng 06 thùng phuy dung tích khoảng 100l - 120l có nắp đậy tại trong kho để phân loại, lưu giữ tại kho CTNH.

- Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích khoảng 15 m² (3m x 5m), kiểu kho kín, có mái che, nền kho đổ bê tông, có rãnh, hố thu chất thải lỏng và được rải lớp cát lên bề mặt nền kho để hấp thụ lượng chất thải lỏng khi bị rò rỉ. Bố trí các bình chữa cháy, thùng chứa cát. Bên ngoài treo biển “KHO CHẤT THẢI NGUY HẠI“, biển cảnh báo nguy hiểm, bên trong dán nhãn, mã chất thải nguy hại theo quy định.

2.2. Biện pháp lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bố trí khoảng 05 thùng phuy có nắp đậy, dung tích khoảng 150 lít; định kì chuyển giao 02 lần/tuần cho đơn vị có chức năng.

- Xây dựng kho chứa chất thải công nghiệp thông thường có diện tích 15m²; Kho lưu chứa có kết cấu nền chống thấm, dán nhãn phân loại từng loại chất thải; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí khoảng 10 thùng rác có nắp đậy dung tích 100lít và 05 thùng rác có nắp đậy loại 45l đặt xung quanh khu vực khuôn viên dự án, khu vực văn phòng, xưởng làm việc để phân loại, lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Bố trí bãi tập kết rác thải diện tích khoảng 10 m², có mái che, nền xi măng và biển báo để tập kết chất thải rắn sinh hoạt trước khi vận chuyển, xử lý.

3. Hoạt động tái sử dụng chất thải công nghiệp thông thường

- Loại chất thải tái sử dụng: Sợi nhựa thừa, vụn vải nhựa.

- Khối lượng chất thải tái sử dụng: 4.235 (tấn/năm).

- Tóm tắt quy trình công nghệ tái sử dụng: Sợi nhựa thừa, vụn vải nhựa được đưa đến máy nghiền để nghiền nhỏ, tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Công ty cổ phần cơ khí thương mại Đức Hùng có trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường liên quan đến hệ thống xử lý nước thải và các sự cố môi trường khác như sau:

1. Xây dựng bể sự cố nước thải 20m³ theo nội dung đề xuất của chủ dự án trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường để phòng ngừa, ứng phó khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố.

2. Bố trí quạt hút dự phòng để phòng ngừa, ứng phó khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố.

3. Xây dựng, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố môi trường về chất thải cấp cơ sở, công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường, tổ chức diễn tập, ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định tại Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 108, 109, 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP*), Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế ứng phó sự cố chất thải.

4. Bố trí các thiết bị chắn rác để tránh tắc đường ống thu gom, tiêu thoát nước thải; định kỳ kiểm tra, vệ sinh đường ống thoát nước thải; định kỳ hút bùn của hệ thống xử lý nước thải đảm bảo không để nước thải chưa xử lý rò rỉ, chảy tràn ra ngoài môi trường.

5. Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải./.

Phụ lục 4:**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP*), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (*được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT*). Định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.
2. Bố trí kinh phí, nhân lực thực hiện phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật hiện hành.
3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
4. Đền bù thiệt hại, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động tại cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành./.